ĐẢNG BỘ TỈNH LAI CHÂU
HUYỆN ỦY MƯỜNG TÈ
*
Số: - CTr/HU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Mường Tè, ngày tháng 6 năm 2022

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG
CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ HUYỆN
Thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 (sau đây gọi tắt là Nghị quyết 09-NQ/TU).

Ban Chấp hành Đảng bộ huyện xây dựng chương trình thực hiện Nghị quyết 09-NQ/TU, cụ thể như sau:

I- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai, thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số.

Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động quản lý, điều hành của nhà nước, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hoạt động thương mại điện tử, hướng tới phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn huyện.

2. Yêu cầu

Căn cứ tình hình thực tiễn, đặc điểm kinh tế - xã hội của huyện, tổ chức triển khai Nghị quyết đạt mục tiêu đề ra nhằm xây dựng, phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số thống nhất, thông suốt với chính quyền điện tử, chính quyền số tỉnh Lai Châu.

Xác định những nội dung trọng tâm, trọng điểm, cụ thể hóa nhiệm vụ, giải pháp trong Nghị quyết để tổ chức thực hiện. Phân công rõ trách nhiệm cho từng cơ quan chịu trách nhiệm triển khai và đề ra lộ trình, thời gian hoàn thành. Trên cơ sở đó, các cấp, các ngành thống nhất nhận thức, hành động và xây dựng kế hoạch thực hiện.

Quá trình tổ chức thực hiện phải gắn với việc triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy về chuyển đổi số; thường xuyên đôn đốc, kiểm

tra, giám sát đánh giá việc thực hiện kế hoạch thực hiện Nghị quyết; bổ sung, cập nhật những chủ trương, nhiệm vụ mới, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn; đề cao tinh thần chủ động, quyết tâm, đổi mới, sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

II- MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Đổi mới căn bản, toàn diện công tác quản lý điều hành của nhà nước, tiến tới xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh theo hướng ứng dụng công nghệ số, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ huyện lần thứ XX, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Phấn đấu đến năm 2030 huyện Mường Tè cơ bản hoàn thiện và nâng cao các chỉ số về Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

2. Mục tiêu cơ bản đến năm 2025

2.1. Phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 60% dịch vụ công có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 70% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

- 90% văn bản trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng (*trừ văn bản mật theo quy định);*

- 90% công tác báo cáo (*không bao gồm nội dung mật*) của các cơ quan nhà nước được cập nhật, chia sẻ trên Hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, huyện và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- 50% cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành được kết nối, chia sẻ trên toàn huyện và với các cơ sở dữ liệu quốc gia thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu do tỉnh triển khai;

- 90% UBND cấp xã triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng;

- 50% tài liệu lưu trữ lịch sử và hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định;

- 80% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kỹ năng số cơ bản; 20% cán bộ, công chức, viên chức tham gia khai thác dữ liệu và công nghệ số;

- 80% các cơ quan được triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp;

- 10% trở lên hoạt động kiểm tra được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

2.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Phấn đấu kinh tế số chiếm 10% GRDP (*tổng sản phẩm trên địa bàn*);

- Năng suất lao động hàng năm tăng tối thiểu 5,0%;

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 4,0%;

- Ứng dụng rộng rãi các nền tảng thanh toán không dùng tiền mặt trong thanh toán các loại phí, lệ phí và hoạt động kinh doanh, mua sắm trong cộng đồng;

- 30% cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường được xây dựng, cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu do trung ương, tỉnh triển khai; cơ bản hoàn thành cơ sở dữ liệu đất đai cấp huyện để sẵn sàng kết nối, chia sẻ và cung cấp dữ liệu mở;

- 50% diện tích rừng được kiểm soát, theo dõi, giám sát bằng các hệ thống quản lý rừng thông minh do trung ương, tỉnh triển khai;

- 80% sản phẩm OCOP, 15% các sản phẩm chủ lực nông nghiệp của huyện được đưa lên sàn thương mại điện tử của quốc gia và tỉnh.

2.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang đến 100% xã, phấn đấu trên 30% hộ gia đình có đường truyền Internet băng rộng; phấn đấu cơ bản mỗi hộ dân có ít nhất 01 điện thoại hoặc thiết bị thông minh;

- Trên 40% người dùng điện thoại hoặc thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử.

- Ít nhất 40% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

- 70% dân số được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ điện tử; 100% Trạm y tế xã, thị trấn được triển khai ứng dụng hệ thống thông tin trạm y tế.

- UBND huyện xây dựng, triển khai dịch vụ đô thị thông minh.

- 30% cơ sở giáo dục tiểu học và 50% cơ sở giáo dục trung học, giáo dục thường xuyên đảm bảo các điều kiện có thể triển khai dạy học trực tuyến khi cần thiết.

- 50% tài liệu quý hiếm, tài liệu địa chí có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học được số hóa.

3. Mục tiêu cơ bản đến năm 2030

3.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

- 90% thủ tục hành chính có đủ điều kiện theo quy định được cung cấp dưới hình thức dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động;

- 90% hồ sơ công việc tại huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*).

- 100% văn bản trao đổi giữa các cơ quan được thực hiện dưới dạng điện tử, được ký số bởi chữ ký số chuyên dùng *(trừ văn bản mật theo quy định);*

- 100% công tác báo cáo *(không bao gồm nội dung mật)* của các cơ quan nhà nước được cập nhật, chi sẻ trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh, kết nối với hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ;

- 90% cơ sở dữ liệu dùng chung và chuyên ngành được kết nối, chia sẻ thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh;

- 100% UBND cấp xã triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng;

- 90% tài liệu lưu trữ lịch sử và hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính đã được giải quyết thành công được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định;

- 100% cán bộ, công chức, viên chức tham gia khai thác dữ liệu và công nghệ số được phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu và công nghệ số;

- 100% các cơ quan được triển khai các giải pháp đảm bảo an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp;

- 35% trở lên hoạt động kiểm tra của cơ quan được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

3.2. Phát triển kinh tế số, nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế

- Kinh tế số chiếm 20% GRDP (*Tổng sản phẩm trên địa bàn*).

- Năng suất lao động hằng năm tăng tối thiểu 7%.

- Phấn đấu 40% doanh nghiệp trên địa bàn huyện ứng dụng chuyển đổi số trong hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh; 50% doanh nghiệp thực hiện giao dịch điện tử trong các hoạt động về tài chính.

- 60% cơ sở dữ liệu về tài nguyên môi trường được cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu của trung ương, của tỉnh.

- 80% diện tích rừng được kiểm soát, theo dõi, giám sát bằng các hệ thống quản lý rừng thông minh do trung ương, tỉnh triển khai.

- 100% sản phẩm OCOP, 30% sản phẩm chủ lực của nông nghiệp đưa lên sàn thương mại điện tử của tỉnh và các sàn thương mại điện tử khác.

3.3. Phát triển xã hội số, thu hẹp khoảng cách số

- Phổ cập dịch vụ Internet băng rộng cáp quang trên phạm vi toàn huyện.

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại di động thông minh, từng bước phát triển mạng 5G.

- 80% người dùng điện thoại, thiết bị thông minh được tiếp cận, sử dụng các dịch vụ chính quyền điện tử, dịch vụ đô thị thông minh.

- Ít nhất 60% người dân trưởng thành sử dụng dịch vụ thanh toán điện tử.

- 100% dân số được quản lý sức khỏe bằng hồ sơ điện tử; 100% các đơn vị trong ngành y tế ứng dụng hệ thống quản trị y tế thông minh trong công tác quản lý điều hành.

- Nâng cao chất lượng triển khai dịch vụ đô thị thông minh.

- 60% cơ sở giáo dục tiểu học và 80% cơ sở giáo dục trung học, trung tâm giáo dục nghề nghiệp đáp ứng điều kiện triển khai dạy học trực tuyến khi cần thiết.

- 50% các điểm, bản du lịch cộng đồng đã được công nhận trên địa bàn huyện được số hóa 3D.

- 90% tài liệu quý hiếm, tài liệu địa chí có giá trị đặc biệt về lịch sử, văn hóa, khoa học được số hóa.

III- NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

1.1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, nâng cao nhận thức và huy động sự vào cuộc của hệ thống chính trị, sự tham gia của toàn xã hội trong chuyển đổi số

Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số, nhất là: Nghị quyết số 52-NQ/TW, ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg, ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Nghị quyết số 09-NQ/TU, ngày 25/02/2022 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về chương trình chuyển đổi số tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, học tập, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, cán bộ, đảng viên, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết và tính cấp thiết của chuyển đổi số. Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tiên phong, đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của đơn vị mình; lấy việc triển khai thực hiện Nghị quyết là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp.

Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhất là đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao triển khai thực hiện chuyển đổi số.

Phát huy mạnh mẽ vai trò của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức

chính trị - xã hội các cấp trong công tác tuyên truyền; thực hiện tốt chức năng giám sát, vận động nhân dân tích cực hưởng ứng chương trình chuyển đổi số tại địa phương.

Các ngành, các cơ quan, đơn vị, các tổ chức chính trị - xã hội phải tận dụng tối đa cơ hội để phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, trong đó chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch và đẩy nhanh tiến trình chuyển đổi số theo từng ngành, lĩnh vực.

1.2. Thực hiện nghiêm túc, phát huy có hiệu quả các cơ chế, chính sách thúc đẩy quá trình chuyển đổi số

- Tổ chức triển khai hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chương trình chuyển đổi số quốc gia và các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh về chuyển đổi số.

- Huy động nguồn lực thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp chuyển đổi số toàn diện, hiệu quả, phù hợp với môi trường số; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào huyện.

- Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin chất lượng cao sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số. Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin, tổ chức đào tạo, bồi dưỡng để trở thành lực lượng nòng cốt tham mưu cho cấp ủy, chính quyền các cấp về chuyển đổi số.

1.3. Quan tâm đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số

Phối hợp với các nhà đầu tư, doanh nghiệp xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên toàn huyện, bắt đầu từ các cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, bảo đảm sự kết nối, liên thông trong toàn huyện.

Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G và điện thoại di động thông minh để phục vụ quá trình chuyển đổi số; từng bước phát triển mạng di động 5G.

Sẵn sàng triển khai thí điểm những ứng dụng dịch vụ, nền tảng, giải pháp công nghệ mới để chuyển đổi số đối với các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội; tiên phong thử nghiệm các công nghệ và mô hình mới phục vụ chuyển đổi số.

1.4. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

Tăng cường phối hợp với các cơ quan, đơn vị; đội ngũ chuyên gia an toàn, an ninh mạng để kịp thời theo dõi, phòng ngừa, ngăn chặn, phối hợp xử lý, khắc phục các sự cố về an toàn, an ninh mạng và tội phạm sử dụng công nghệ cao.

Quan tâm đầu tư trang thiết bị, phương tiện khoa học kỹ thuật để chủ động phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, tác động tiêu cực của quá trình chuyển đổi số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy hoạt động trên môi trường số.

Tăng cường quản lý an ninh mạng, bảo mật thông tin và an toàn dữ liệu; phòng chống hiệu quả các hoạt động phá hoại, thâm nhập hệ thống quản lý, điều hành chính quyền điện tử; tham gia chia sẻ dữ liệu quản lý công dân trong một số lĩnh vực công trực tuyến như: Định danh điện tử, lưu trữ và truy xuất thông tin người dân.

Tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, hướng dẫn người dân nâng cao nhận thức tự bảo vệ trên môi trường số.

2. Xây dựng chính quyền số

Đẩy mạnh triển khai các nghị quyết, chương trình, kế hoạch, đề án, dự án phát triển chính quyền điện tử hướng tới chính quyền số phục vụ phát triển kinh tế, xã hội; thực hiện chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội.

Triển khai số hóa dữ liệu phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước bảo đảm tập trung, thông suốt; bảo đảm hoạt động lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền trên môi trường số; đẩy mạnh họp trực tuyến, họp không giấy, ký số... nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính của huyện.

Triển khai cung cấp 100% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 và được cung cấp trên nhiều phương tiện khác nhau để phục vụ người dân, doanh nghiệp trong giao dịch với cơ quan hành chính nhà nước góp phần nâng cao chỉ số xếp hạng về chính quyền số của huyện.

Tập trung xây dựng số hóa lĩnh vực tài nguyên - môi trường, y tế, giáo dục và đào tạo.

Lựa chọn thị trấn Mường Tè để triển khai thử nghiệm, gắn liền phát triển dịch vụ đô thị thông minh với hệ thống chính quyền điện tử, từ đó phổ biến, nhân rộng.

3. Phát triển kinh tế số

Tập trung thu hút đầu tư, khuyến khích các doanh nghiệp khởi nghiệp ứng dụng công nghệ số để tạo ra các sản phẩm, dịch vụ mới trong các ngành, lĩnh vực kinh tế, xã hội.

Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn huyện triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chỉ số cải cách hành chính công, chỉ số năng lực cạnh tranh cấp huyện tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp số khởi nghiệp, khuyến khích các doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số, từng bước thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.

4. Phát triển xã hội số

Thúc đẩy chuyển đổi số xã hội, hợp tác với các tổ chức, doanh nghiệp để đào tạo, tập huấn, nâng cao kiến thức, kỹ năng về công nghệ số và chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp.

Thu hút đầu tư phát triển các khu, cụm dân cư, khai thác, sử dụng hiệu quả nền tảng số trong công tác quản lý xã hội tại địa phương.

Thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nội dung chuyển đổi số trong toàn xã hội.

5. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

Ưu tiên chuyển đổi số trên 8 lĩnh vực có lợi thế cạnh tranh tại huyện, trong các ngành mang lại giá trị lớn, có hiệu quả ngay cho xã hội như:

5.1. Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch

Tăng cường hoạt động xúc tiến quảng bá du lịch thông qua ứng dụng công nghệ thông tin. Đầu tư xây dựng và phát triển các ứng dụng du lịch thông minh, phát triển phần mềm ứng dụng trên các thiết bị di động, thực tế ảo, trí tuệ nhân tạo; khám phá điểm du lịch bằng công nghệ 3D, 4D…vào hoạt động du lịch.

5.2. Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế

Triển khai hệ thống hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa; xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu quốc gia về y tế.

5.3. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục

Ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến; phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

5.4. Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp

Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng nông nghiệp thông minh, tăng tỷ trọng nông nghiệp số trong nền kinh tế. Đẩy mạnh đưa nông sản lên các sàn thương mại điện tử. Ứng dụng công nghệ trong việc truy xuất nguồn gốc, mã vùng trồng, truy vết sản phẩm.

5.5. Chuyển đổi số trong lĩnh vực giao thông vận tải và logistics

Khuyến khích thí điểm và triển khai ứng dụng các phương tiện giao thông mới hỗ trợ việc vận chuyển, xây dựng hệ thống quản lý trực tuyến các dịch vụ vận chuyển; triển khai hệ thống giám sát giao thông thông minh tại thị trấn; thúc đẩy chuyển đổi số trong phát triển, khai thác hệ thống kho, bến, bãi phục vụ vận

tải và logistics *(sau khi được đầu tư).*

5.6. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường

Triển khai các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn (*cơ sở dữ liệu về: đất đai; nền địa lý quốc gia; quan trắc tài nguyên và môi trường ...)* nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường. Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai.

5.7. Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng và sản xuất công nghiệp

Chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng; kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất điện năng.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: Xây dựng nhà máy thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động. Cung cấp các dịch vụ số trên môi trường mạng, tạo môi trường thuận lợi cho đầu tư và kinh doanh.

5.8. Chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng

Nghiên cứu quy định cụ thể về phí để khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng, cung cấp các dịch vụ số. Xây dựng tài chính điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững.

6. Đảm bảo nguồn lực chuyển đổi số

Huy động các nguồn lực thực hiện chuyển đổi số, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan, nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Mỗi năm, ưu tiên bố trí tối thiểu 1% tổng chi ngân sách địa phương để triển khai thực hiện các hoạt động, chương trình, đề án, dự án phục vụ thực hiện các chương trình, dự án, nhiệm vụ chuyển đổi số.

IV- TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân huyện xây dựng kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ huyện, trong đó xác định lộ trình, dự án, bố trí ngân sách cụ thể và phân công nhiệm vụ cho các phòng, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thực hiện.

2. Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện; Ủy ban MTTQ và các đoàn thể huyện phối hợp thường xuyên theo dõi, đôn đốc, giám sát việc tổ chức thực hiện.

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu hội nghị tổ chức tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 09-NQ/TU, Chương trình hành động này; đôn đốc, theo dõi việc quán triệt tại các chi, đảng bộ và báo cáo kết quả theo quy định.

4. Các chi, đảng bộ trực thuộc tổ chức tuyên truyền, quán triệt Nghị quyết số 09-NQ/TU, Chương trình hành động này đến cán bộ, đảng viên và Nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ xây dựng kế hoạch thực hiện đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế địa phương, cơ quan, đơn vị./.

Nơi nhận:
- TT Huyện ủy, HĐND huyện,
- Các đồng chí UVBCH Đảng bộ huyện,
- UBND huyện,
- Các ban xây dựng Đảng, VP Huyện ủy,
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể huyện,
- Các chi, đảng bộ trực thuộc,
- Lưu VTHU.

T/M HUYỆN ỦY
PHÓ BÍ THƯ

Trần Đức Hiển